

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC IV

Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công cấu hình thủ tục hành chính

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2019 của UBND tỉnh)

CH-2019.01: Chi phí thực hiện các bước cơ bản cấu hình TTHC trên hệ thống một cửa điện tử

*Đơn vị tính:
01 thủ tục*

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	MÃ SỐ	ÁP DỤNG
1	Thu thập dữ liệu	tài liệu	1	1.923	1.923	02.10.01.04.01	MỨC 1
2	Xây dựng quy trình kỹ thuật thủ tục hành chính	quy trình	1	679.982	679.982	02.10.03.01.01	MỨC 1
3	Chuẩn hóa thông tin dữ liệu thủ tục hành chính	file	1	9.700	9.700	02.10.05.02.01	MỨC 1
	Tổng				691.605		

CH-2019.02: Chi phí thiết lập thông tin 01 lĩnh vực

*Đơn vị tính:
01 lĩnh vực*

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	MÃ SỐ	ÁP DỤNG
1	Tên lĩnh vực	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
2	Mã lĩnh vực	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
3	Độ ưu tiên	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
4	Mô tả	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
5	Thiết lập trạng thái hoạt động (có/không)	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
	Tổng				2.974		

CH-2019.03: Chi phí thiết lập thông tin 01 thủ tục

*Đơn vị tính:
01 thủ tục*

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	MÃ SỐ	ÁP DỤNG
1	Tên thủ tục	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
2	Mã thủ tục	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
3	Xác định lĩnh vực cho thủ tục	trường	1	595	595	02.10.04.02.02	MỨC 1
4	Mã đơn vị (mã dịch vụ công)	trường	1	595	595	02.10.04.02.03	MỨC 1
5	Độ ưu tiên	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
6	Mô tả	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
7	Thiết lập trạng thái hoạt động (có/không)	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
	Tổng				4.164		

CH-2019.04: Chi phí thiết lập thông tin cho nút chuyển trên hệ thống

*Đơn vị
tính: 01
nút
chuyển/b
ước
chuyển*

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	MÃ SỐ	ÁP DỤNG
1	Thiết lập tên hiển thị	trường	1	595	595	02.10.05.02.01	MỨC 1
2	Thiết lập kiểu (chuyển, sửa, trả lại, kết thúc, in, xóa, xem chi tiết, xác minh)	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
3	Thiết lập quyền (Sửa, xóa, thay đổi quy trình)	trường	3	595	1.785	02.10.04.02.01	MỨC 1
4	Độ ưu tiên	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
5	Cấu hình cho phép (có/không): hiển thị	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
6	Cấu hình mặc định cho nút chuyển	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
7	Gửi mail/SMS cho chủ hồ sơ	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
8	Gửi ZMS cho chủ hồ sơ	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
9	Hình thức chuyển xử lý (Bưu điện vận chuyển, trực tuyến, chuyên viên tự vận chuyển)	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1

10	Cấu hình tiêu đề cho nút chuyển	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
11	Trạng thái	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
12	Xác định ngày hoàn thành cho hồ sơ (có/không)	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
13	Cấu hình đường dẫn	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
	Tổng				8.923		

CH-2019.05: Chi phí thiết lập thông tin phiếu chuyển hồ sơ, biên nhận

*Đơn vị tính:
01phiếu chuyển/biên nhận*

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	MÃ SỐ	ÁP DỤNG
1	Xác định phiếu chuyển/biên nhận hồ sơ cho TTHC	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
	Giá	Phiếu chuyển/biên nhận			595		

CH-2019.06: Chi phí thiết lập thông tin 01 hồ sơ kèm theo

*Đơn vị tính:
01 hồ sơ*

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	MÃ SỐ	ÁP DỤNG
1	Tên hồ sơ kèm theo	trường	1	764	764	02.10.04.02.01	MỨC 2
2	Loại hồ sơ: (bản sao/bản chính)	trường	2	595	1.190	02.10.04.02.01	MỨC 1
3	Nhóm hồ sơ	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
4	Mã hồ sơ	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
5	Độ ưu tiên	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
6	Thêm mô tả	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
7	Thiết lập trạng thái hoạt động (có/không)	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
	Tổng				4.929		

CH-2019.07: Chi phí thiết lập thông tin 01 nhóm hồ sơ kèm theo

*Đơn vị tính:
01 nhóm*

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	MÃ SỐ	ÁP DỤNG
1	Tên nhóm	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
2	Mã nhóm	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
3	Độ ưu tiên	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
4	Thêm mô tả	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
5	Thiết lập trạng thái hoạt động (có/không)	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
	Tổng				2.974		

**CH-2019.08: Chi phí
khởi tạo thông tin một
cán bộ lần đầu tiên
tham gia**

*Đơn vị tính:
01 cán bộ*

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	MÃ SỐ	ÁP DỤNG
1	Thông tin họ và tên	trường	1	764	764	02.10.04.02.01	MỨC 2
2	Thông tin chức vụ/vị trí việc làm/vai trò <i>(mỗi chức vụ có vai trò riêng)</i>	trường	2	595	1.190	02.10.04.02.01	MỨC 1
3	Thông tin phòng ban	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
4	Thông tin tài khoản đăng nhập	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
5	Thông tin thư điện tử	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
6	Thông tin danh xưng (ông/bà)	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
7	Thông tin ngày sinh	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
8	Thông tin giới tính	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
9	Thông tin tên công việc	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
10	Thêm các site (Văn phòng điện tử, quản lý 1 cửa điện tử, đánh giá sự hài lòng)	trường	1	595	595	02.10.04.02.01	MỨC 1
	Tổng		11		6.713		

